TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SƠN TÂY – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2022/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 11 - 2022
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SƠN TÂY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Khắc Tuấn.
Ông Đào Huy Dương.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 16/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 24/8/2022,về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2022/QĐXXST- DS ngày 02/11/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Hữu T, sinh năm: 1984.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1984.

Đều ĐKHKTT: Thôn S, xã S, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội .

Anh T có mặt. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Lương Hữu T là nguyên đơn trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hương L tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây vào ngày 02/4/2007. Cưới xong chị Lnhập

khẩu về gia đình nhà anh tôi chung sống, tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 đến nay, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và về kinh tế, dẫn đến vợ chồng căng thẳng trầm trọng, không còn quan hệ vợ chồng từ tháng 5/2022 và ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Khi có mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được góp ý khuyên bảo hòa giải nhưng không được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị L.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại Tòa án, bị đơn là Nguyễn Thị Hương L trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống giữa chị và anh T, đúng như anh T trình bày. Vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không quan tâm đến gia đình, có ngoại tình và cờ bạc, chị có khuyên bảo nhưng không được, còn về bạo lực gia đình với chị. Tuy nhiên việc anh T xin ly hôn chị không đồng ý và mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau.

Về con chung anh T, chị Lcùng trình bày: Vợ chồng có hai con chung là Lương Hữu T, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Lương Hữu T, sinh ngày 13/02/2012.

Nếu Ly hôn anh T và chị L đều nhất trí theo nguyện vọng của các con, cháu Lương Hữu T và cháu Lương Hữu T đã có bản tự khai, đều có nguyện vọng ở với chị L. Chị L đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi cháu là 1.5000. 000 đồng trên một tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng trên một tháng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi các con đủ 18 tuổi, anh T hoàn tòa đồng ý.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh T chị L đều không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T, chị L đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của anh Lương Hữu T, anh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hương L. Về con chung giao cho chị Nguyễn Thị Hương L được trực tiếp nuôi hai cháu Lương Hữu T, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Lương Hữu T, sinh ngày 13/02/2012. Anh T phải

cấp dưỡng nuôi 02 cháu, mỗi cháu là 1.5000.000 đồng trên một tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng trên một tháng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị Hương L có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Chị Nguyễn Thị Hương L có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hương L kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Llà hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị L là có thật, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và chị L cho rằng anh T ngoại tình, cờ bạc và bạo lực gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã hòa giải nhiều lần, chị L trình bày anh T có quan hệ bất chính với người khác, nhưng không đưa ra được chứng cứ nào. Tòa án đã đi xác minh tại địa phương nơi anh T và chị L cư trú được lãnh đạo thôn và chính quyền địa phương cho biết: Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Hương L có mâu thuẫn từ lâu , nghe thông tin anh T có đi ngoại tình, cụ thể ngoại tình với ai, như thế nào thì không nắm được, chỉ biết hiện tại anh T và chị Lkhông còn chung sống một nhà nữa, đã ly thân. Tổ hòa giải của thôn cũng có hòa giải góp ý cho anh T, chị L. Nhưng anh T vẫn không về hiện tại vẫn còn mâu thuẫn và được biết anh T đã có đơn xin ly hôn chị L.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị Lđã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

[3]Về con chung: Anh T và chị Lcó hai con chung là Lương Hữu T, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Lương Hữu T, sinh ngày 13/02/2012. Hội đồng xét xử xác

định hiện tại hai cháu đang ở cùng chị L, chị L có nguyện vọng được nuôi hai con. Vì vậy giao cháu Lương Hữu T, cháu Lương Hữu T cho chị Lđược trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T và T là được ở với mẹ. Chị L có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000 đồng trên một tháng, kể từ tháng 9/2022 đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo yêu cầu của chị L. Xét việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ vì vậy chấp nhận thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con chung của chị Lvà anh T.

[4]Về tài sản chung, công sức: Anh T và chị L đều xác nhận là không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lương Hữu T, anh Lương Hữu T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hương L.

2. Về con chung: có 02 con chung là Lương Hữu T, sinh ngày 18/01/2008 và cháu Lương Hữu T, sinh ngày 13/02/2012 . Giao cho chị Nguyễn Thị Hương L được trực tiếp nuôi hai con chung là Lương Hữu T và cháu Lương Hữu T đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Lương Hữu T được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Hữu T phải cấp dưỡng nuôi hai con Lương Hữu T và Lương Hữu T mỗi cháu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng trên một tháng, kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu Lương Hữu T và Lương Hữu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương Hữu T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Lương Hữu T đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056457 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Anh Lương Hữu T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lương Hữu T, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hương L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

Nơi nhận:
-Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX Sơn Tây;
- Chi cục THADS TX Sơn Tây;
- UBND Nơi ĐKHK, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương Hữu T phải cấp dưỡng nuôi hai con Lương Hữu T và Lương Hữu T mỗi cháu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng trên một tháng, kể từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu Lương Hữu T và Lương Hữu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lương Hữu T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Lương Hữu T đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0056457 ngày 24/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Anh Lương Hữu T còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lương Hữu T, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hương L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự“.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**